

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIÊN HÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *KHS-COM-OD30/2021*  
V/v công bố giải trình báo cáo tài chính hợp  
nhất 6 tháng năm 2021

Kiên Giang, ngày 13 tháng 08 năm 2021

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

- Mã chứng khoán: KHS

- Địa chỉ: Lô B4-B5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thạnh Lộc, xã Thạnh Lộc,  
Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

- Điện thoại liên hệ: 02973 912 128 Fax: 02973 912 988

- E-mail: [info@kihuseavn.com](mailto:info@kihuseavn.com)

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Loại thông tin công bố:  Định kỳ  Bất thường  24h  Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

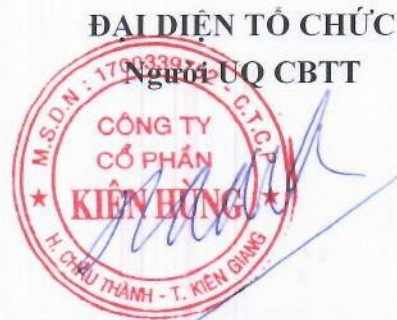
- Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/08/2021  
tại đường dẫn: [www.kihuseavn.com](http://www.kihuseavn.com)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách  
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**\* Tài liệu đính kèm:**

Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng năm  
2021



**Nguyễn Ngọc Anh**

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 09 /2021/KH-CBTT

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo  
BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021  
đã được soát xét

Kiên Giang, ngày 13 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B4 - B5, đường số 1, KCN Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3838009 Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3838009 Fax:
- Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  yêu cầu  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:** Giải trình về số liệu kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2021 đã công bố, so với báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét.

**I/. Giải trình số liệu: kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2021 đã công bố, so với báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét có chênh lệch từ 5% trở lên:**

Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
	Kết quả HĐKD lũy kế BCTC quý 2/2021 đã công bố	BCTC 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38.226.996.116	36.072.350.947	(2.154.645.169)	(5.6)

Lợi nhuận sau thuế kết quả kinh doanh lũy kế từ đầu năm đến quý 2 năm 2021 theo BCTC hợp nhất đã công bố giảm 5.6% so với 6 tháng đầu năm đã được soát xét. Nguyên nhân: xem giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét.

**II/. Giải trình số liệu: lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm đã công bố chênh lệch từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước:**

Bảng so sánh lợi nhuận:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>586,253,249,700</b>	<b>562,288,289,127</b>	<b>23,964,960,573</b>	<b>4.26</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	857,571,100	3,638,793,669	(2,781,222,569)	(76.43)
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>585,395,678,600</b>	<b>558,649,495,458</b>	<b>26,746,183,142</b>	<b>4.79</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	512,728,947,126	508,613,011,927	4,115,935,199	0.81
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>72,666,731,474</b>	<b>50,036,483,531</b>	<b>22,630,247,943</b>	<b>45.23</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2,264,852,237	1,338,151,628	926,700,609	69.25
7. Chi phí tài chính	22	11,719,580,672	16,232,263,207	(4,512,682,535)	(27.80)
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	11,142,391,056	15,225,365,576	(4,082,974,520)	(26.82)
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	16,286,006,728	13,876,929,272	2,409,077,456	17.36
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10,593,495,335	14,035,081,153	(3,441,585,818)	(24.52)
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>36,332,500,976</b>	<b>7,230,361,527</b>	<b>29,102,139,449</b>	<b>402.50</b>
12. Thu nhập khác	31	51,269,090	53,933,250	(2,664,160)	(4.94)
13. Chi phí khác	32	311,419,119	200,797,433	110,621,686	55.09
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>(260,150,029)</b>	<b>(146,864,183)</b>	<b>(113,285,846)</b>	<b>77.14</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>36,072,350,947</b>	<b>7,083,497,344</b>	<b>28,988,853,603</b>	<b>409.24</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	49,536,498	49,536,498	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(49,536,498)	(49,536,498)	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>36,072,350,947</b>	<b>7,083,497,344</b>	<b>28,988,853,603</b>	<b>409.24</b>
<b>19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ</b>	<b>61</b>	<b>35,982,789,043</b>	<b>8,543,389,183</b>	<b>27,439,399,860</b>	<b>321.18</b>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	89,561,904	(1,459,891,839)	1,549,453,743	106.13



21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2,678	650	2,028.00	312.00
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2,678	650	2,028.00	312.00

Lợi nhuận sau thuế của 6 tháng đầu năm 2021 theo BCTC hợp nhất của Công ty mẹ tăng 321,18 % so với cùng kỳ năm 2020.

- Lợi nhuận riêng của công ty mẹ tăng 253,90 % so với cùng kỳ năm 2020, (xem Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét)
- Công ty con (Công ty TNHH Thủy Sản Aoki từ lỗ chuyển sang lãi)

**Nguyên nhân lãi của công ty con:**

- Giá nguyên liệu giảm nên giá vốn cũng giảm theo.
- Chi phí tài chính giảm 33% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do giảm dư nợ vay dài hạn và lãi suất vay ngắn hạn ngân hàng giảm từ 3.8% xuống còn 3.2%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 18% so với cùng kỳ năm trước, do sắp xếp hợp lý bộ phận quản lý doanh nghiệp và phương pháp tính tiền lương theo sản lượng thành phẩm.

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	147,810,387,041	171,223,783,772	(23,413,396,731)	(13.67)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	101,948,000	(101,948,000)	(100.00)
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)</b>	<b>10</b>	<b>147,810,387,041</b>	<b>171,121,835,772</b>	<b>(23,311,448,731)</b>	<b>(13.62)</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	136,579,563,633	159,802,054,900	(23,222,491,267)	(14.53)
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)</b>	<b>20</b>	<b>11,230,823,408</b>	<b>11,319,780,872</b>	<b>(88,957,464)</b>	<b>(0.79)</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	797,209,601	688,396,169	108,813,432	15.81
7. Chi phí tài chính	22	2,101,573,708	3,159,901,081	(1,058,327,373)	(33.49)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1,918,101,246	2,705,687,197	(787,585,951)	(29.11)
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên	24			-	



kết					
9. Chi phí bán hàng	25	6,772,242,711	7,818,577,802	(1,046,335,091)	(13.38)
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2,970,287,973	3,618,534,483	(648,246,510)	(17.91)
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>	<b>183,928,617</b>	<b>(2,588,836,325)</b>	<b>2,772,764,942</b>	<b>107.10</b>
12. Thu nhập khác	31	909,090	502,909,091	(502,000,001)	(99.82)
13. Chi phí khác	32	2,058,311	893,443,867	(891,385,556)	(99.77)
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>(1,149,221)</b>	<b>(390,534,776)</b>	<b>389,385,555</b>	<b>(99.71)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>182,779,396</b>	<b>(2,979,371,101)</b>	<b>3,162,150,497</b>	<b>106.13</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>182,779,396</b>	<b>(2,979,371,101)</b>	<b>3,162,150,497</b>	<b>106.13</b>

Trên đây là nội dung giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng về các nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2021 chênh lệch so với cùng kỳ năm 2020.

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**NGUYỄN NGỌC ANH**

C.T.C.P